

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Như Ý.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Bách Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Bà Tôn Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 06/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

ĐKKHKT: thôn 3, xã Tiêu Sơn, huyện Phú Thù, tỉnh A

- Anh Lê Thế B – sinh năm 1992

ĐKKHKT: thôn 3, xã Tiêu Sơn, huyện Phú Thù, tỉnh A

Hiện nay đang ở Đài Loan.

(Anh B, chị ý đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Lê Thế B và chị Nguyễn Thị Thuý trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 21/01/2016 tại UBND xã Vân Đồn, huyện Phú Thù, tỉnh A. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Năm 2018, anh B đi nước ngoài, từ đó tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng hơn. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B, chị T thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Nhật Minh, sinh ngày 25/5/2017. Khi ly hôn, anh B, chị T thống nhất thỏa thuận cháu Minh sẽ do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh B, chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: anh B, chị T thống nhất chị T là người chịu toàn bộ.

Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; anh B và chị T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B; Về con chung: Giao cháu Lê Nhật Minh, sinh ngày 25/5/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh B, chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về lệ phí: công nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí và chi phí tố tụng của chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng sống xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc chị T và anh B thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện anh Lê Thế B hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đà Lạt. Tại văn bản số 26316/QLXNC-P5 ngày 05/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an (Bút lục số 18) đã cung cấp thông tin: “Lê Thế B, sinh ngày 05/7/1992 đã xuất nhập cảnh 11 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 11/02/2020, hiện nay

chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của chị Nguyễn Thị T đối với các đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung; Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt có chữ ký và chữ viết của anh Lê Thế B gửi về Việt Nam. TAND tỉnh A đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A tiến hành giám định chữ ký và các chữ viết của anh Lê Thế B trong các văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 101/KLGD-PC09 ngày 06/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận như sau: *“Chữ ký đứng tên Lê Thế B và chữ viết “Lê Thế B” dưới mục (Họ và tên chồng; Người khai; Người làm đơn) trên “Đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận; Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký đứng tên Lê Thế B và chữ viết “Lê Thế B” dưới mục (Chồng) trên “Giấy chứng nhận kết hôn” số 04 đề ngày, tháng, năm đăng ký 21/01/2016 do Ủy ban nhân dân xã Vân Đồn, huyện Phú Thới, tỉnh A cấp (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra*”. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh Lê Thế B thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B có 01 con chung là cháu Lê Nhật Minh, sinh ngày 25/5/2017. Khi ly hôn, anh B, chị T thống nhất thỏa thuận cháu Minh sẽ do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thỏa thuận của anh B và chị T phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh B, chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về lệ phí: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng của chị Nguyễn Thị T.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thế B. Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nhật Minh, sinh ngày 25/5/2017. Anh Lê Thế B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Anh Trần Thế Anh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh B, chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Công nhận chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000369 ngày 07/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã Vân Đồn;
- Dương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Như Ý